

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 09 – 3 – 2021

V/v tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn T1

2. Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị N là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến D – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Hoàng Q, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 02, ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Bảo T2, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 03, ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Anh D1 (tên gọi khác Đỗ M), sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 03, ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2020 và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đỗ Thị Hoàng Q trình bày, chị với anh Nguyễn Bảo T2 có mối quan hệ bà con xa (không biết cụ thể), ở cùng ấp. Ngày 15-02-2019 anh T2 vay 07 chỉ vàng 24k loại 9999 để trả nợ, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 15-02-2019 đến ngày 15-8-2019, mức lãi tính bằng tiền 700.000đ/tháng, hai bên thỏa thuận tiền lãi trả hằng tháng, còn vàng gốc đến hạn 06 tháng sẽ trả đủ. Sau khi vay anh T2 có trả tiền lãi đầy đủ 06 tháng đến tháng 8-2019 là 4.200.000đ, từ tháng 9-2019 đến nay ngưng không trả tiền lãi và vàng gốc, chị đòi nhiều lần anh T2 hứa hẹn rồi không trả.

Thời gian thiếu nợ, anh T2 có mượn thêm nhiều lần rồi trả đủ. Sau đó anh T2 mượn tiền 02 lần nữa nhưng không trả, cụ thể: 06-10-2019 (nhằm ngày 08-9-2019 âm lịch) mượn 2.000.000đ, hẹn vài ngày trả lại, nên không tính lãi; ngày 25-10-2019 (nhằm ngày 27-9-2019 âm lịch) mượn 3.500.000đ, cũng hẹn vài ngày trả và không tính lãi. Tổng cộng 5.500.000đ đến nay chưa trả, chị đòi nhiều lần anh T2 hứa hẹn rồi không trả.

Chứng cứ vay vàng là biên nhận ngày 11-01-2019, ngoài ra không có chứng cứ khác. Còn nợ tiền 5.500.000đ không có chứng cứ, vì lúc mượn không có làm biên nhận nợ, chỉ có chị và anh Toàn biết, không có người khác biết.

Ông Nguyễn Anh N (Đỗ Mười) là cha ruột anh T2 có đứng ra nhận nợ của anh T2 để trả cho chị, nhưng ông N vẫn không trả.

Chị yêu cầu anh T2 và ông N (Đỗ Mười) trả 07 chỉ vàng 24k loại 9999, tính tiền lãi từ tháng 9-2019 đến xét xử theo mức thỏa thuận 700.000đ/tháng. Về nợ tiền yêu cầu anh T2 trả 5.500.000đ và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật, từ lúc mượn ngày 25-10-2019 đến khi xét xử. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai và đơn khởi kiện cùng ngày 19/10/2020 của anh Nguyễn Bảo T2 (là bị đơn) trình bày, anh thừa nhận có vay vàng của chị Q tổng cộng 07 chỉ vàng 24k loại thị trường, có mượn số tiền 1.500.000đ không tính lãi. Anh vay vàng và mượn tiền để tiêu xài. Các lần vay vàng chị Q đưa bằng tiền quy ra vàng, lúc này giá vàng 3.500.000đ/chỉ, mức lãi 80.000đ/1triệu đồng/tháng, mỗi lần vay anh đều có viết biên nhận và ký tên, lần vay sau cùng chị Q đưa cho anh biên nhận đánh máy sẵn kê anh điền vào các chỗ trống là biên nhận ngày 11/01/2019. Các lần vay vàng như sau:

- Ngày 15/02/2019 (nhằm ngày 11/01/2019 âm lịch) vay 02 chỉ, nhận bằng tiền 7.000.000đ;

- Ngày 25/02/2019 (nhằm ngày 21/01/2019 âm lịch) vay 01 chỉ, nhận tiền 3.500.000đ;

- Tháng 3 năm 2019 dương lịch (không nhớ ngày) vay 02 lần 04 chỉ, mỗi lần 02 chỉ nhận tiền 7.000.000đ.

Sau khi vay anh có trả tiền lãi khoảng 12 tháng là 24.000.000đ, nhưng anh không có chứng cứ để chứng minh, nên anh đồng ý theo trình bày của chị Q là anh đã trả tiền lãi 4.200.000đ.

Ngoài ra, trong năm 2019 (không nhớ ngày tháng) sau khi vay nợ vàng anh có mượn số tiền 1.500.000đ không tính lãi, hẹn vài ngày trả nhưng đến nay chưa trả.

Tổng cộng anh còn nợ chị Q 07 chỉ vàng 24k loại thị trường và số tiền 1.500.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn anh xin trả dần theo mùa vụ, mỗi vụ lúa là bốn tháng trả 2.000.000đ đến khi hết nợ.

Anh yêu cầu chị Q trả lại 4.200.000đ, đây là tiền lãi vay vàng, vì vàng không có tính lãi.

Tại Bản tự khai ngày 19/10/2020 ông Nguyễn Anh N (tên gọi khác Đỗ Mười là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày, ông là cha ruột của anh T2 và anh T2 ở chung nhà với vợ chồng ông. Việc anh T2 vay tiền, vàng của chị Q ông không biết, không nhớ thời gian nào chị Q đến nhà đòi nợ T2, lúc này ông mới biết T2 mượn nợ để ăn chơi, ông có nói với chị Q ông sẽ cho T2 10.000.000đ để trả nợ và hẹn một tháng sau sẽ đưa tiền cho T2 trả nợ chị Q. Đến tháng không lo tiền đủ, chỉ lo được 4.000.000đ ông không đưa anh T2 đi trả vì sợ anh T2 lấy tiền xài, nên ông trực tiếp đến nhà đưa cho chị Q, nhưng chị Q không nhận nói là không đủ 10.000.000đ. Ông không bảo lãnh nợ cho anh T2, ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị Q. Ngoài ra, ông không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng chị Đỗ Thị Hoàng Q (là nguyên đơn) đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Q, số tiền tạm ứng án phí đã nộp sung vào công quỹ nhà nước.

Về giải quyết vụ án, anh Nguyễn Bảo T2 khởi kiện đòi chị Q trả tiền lãi vàng là 4.200.000đ, chị Q thừa nhận có nhận của anh T2 số tiền lãi này. Đối với vàng không có quy định tính lãi, theo quy định khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T2; chị Q phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ thị Hoàng Q khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Bảo T2 trả tiền nợ vay; anh T2 khởi kiện đòi chị Q trả lại tiền lãi, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Đỗ thị Hoàng Q (là nguyên đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, đồng thời xét xử vắng mặt chị Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Q được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Bảo T2 đòi chị Đỗ Thị Hoàng Q số tiền lãi đã trả là 4.200.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa chị Q vắng mặt nhưng chị Q có lời khai thừa nhận có nhận của anh T2 số tiền lãi nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc chị Q đã nhận của anh T2 4.200.000đ là có thật. Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định lãi suất vàng, nên chị Q yêu cầu tính lãi vàng là không có căn cứ. Anh T2 đòi lại số tiền lãi 4.200.000đ là phù hợp với khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T2 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc chị Q phải trả lại cho anh T2 số tiền 4.200.000đ.

[2.2] Đối với ông Nguyễn Anh N (Đỗ Mười) không có yêu cầu độc lập, nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm sơ thẩm, yêu cầu của chị Q bị đình chỉ nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước, yêu cầu của anh T2 được chấp nhận nên chị Q phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147, khoản 2

Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 218, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bảo T2. Buộc chị Đỗ Thị Hoàng Q trả lại cho anh T2 số tiền 4.200.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Hoàng Q đòi anh Nguyễn Bảo T2 trả lại 07 chỉ vàng 24k và số tiền 5.500.000đ. Chị Q được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đỗ Thị Hoàng Q phải chịu là 300.000đ.
- Sung vào công quỹ nhà nước 750.000đ tiền tạm ứng án phí của chị Đỗ Thị Hoàng Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006897 ngày 17/7/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.
- Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Bảo T2 theo biên lai thu tiền số 0001617 ngày 21/10/2021 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Phú T;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P